



CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN
LUYỆN KIM MÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09/2018/KSK

V/v CBTT Báo cáo thường niên 2017

Hòa Bình, ngày 24 tháng 04 năm 2018

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI;

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU

Mã chứng khoán: KSK

Địa chỉ trụ sở chính: Km15, Quốc lộ 21, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, Hòa Bình

Điện thoại:

Người thực hiện công bố thông tin: Phan Ngọc Vũ

Địa chỉ: Km15, Quốc lộ 21, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, Hòa Bình

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng):

Loại thông tin công bố: 24 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố (*):

Thực hiện việc công bố thông tin theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính, Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim màu xin báo cáo Quý Ủy ban và Quý Sở về việc công bố thông tin Báo cáo thường niên 2017 như sau:

Thông tin trên đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 24/04/2018 tại đường dẫn:

http://luyenkimmau.com.vn/home/channel_tintuc.asp?iChannel=58&nChannel=Products

Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim màu cam kết những thông tin được cung cấp trên đây là trung thực và chính xác.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VP.

CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU
TỔNG GIÁM ĐỐC

PHAN NGỌC VŨ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU

NĂM 2017



Hòa Bình, Ngày 24 tháng 04 năm 2018

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU
- Tên giao dịch quốc tế : **Mineral Ferrous Metallurgy Joint Stock Company**
- Tên viết tắt : Công ty Khoáng sản Luyện kim màu
- Trụ sở chính : Km 15, Quốc lộ 21, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
- Điện thoại :
- Website : www.luyenkimmau.com.vn
- Biểu tượng của Công ty :



- Vốn điều lệ : **238.880.000.000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 238.880.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0700382548 cấp lần đầu ngày 03 tháng 08 năm 2009, thay đổi lần thứ 06 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp ngày 19 tháng 09 năm 2014.
- Mã cổ phiếu (nếu có): **KSK**

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Khoáng sản luyện kim màu tiền thân là Công ty cổ phần Nhựa Hamico được thành lập ngày 03 tháng 08 năm 2009 với số đăng ký kinh doanh là 0700382548, với vốn điều lệ thực góp ban đầu là 2.000.000.000 đồng. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu là sản xuất kinh doanh và in ấn các loại bao bì, các loại sản phẩm có nguồn gốc từ nhựa và hạt nhựa, kinh doanh xuất nhập khẩu nhựa, giấy và các sản phẩm từ nhựa, giấy.

Ngày 15 tháng 11 năm 2010, Công ty Cổ phần Nhựa Hamico tiến hành tăng vốn điều lệ của Công ty từ 2.000.000.000 đồng lên 30.000.000.000 đồng, đồng thời đăng ký thêm ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc thiết bị công nghiệp, quặng kim loại, chế tạo gia công cơ khí, rút sợi thép, đồng, nhôm.

Ngày 09 tháng 03 năm 2012, Công ty tiến hành thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ hai tăng vốn điều lệ của Công ty từ 30.000.000.000 đồng lên 138.000.000.000 đồng. Đồng thời, Công ty bổ sung thêm một số ngành nghề như sản xuất sản phẩm từ plastic, đại lý, môi giới, đầu giá; buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong ngành xây dựng; bán buôn kim loại và quặng kim loại; khai thác đá, cát sỏi, đất sét... Công ty cũng tiến hành thay đổi người đại diện theo pháp luật và đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Đại Hoàng.

Ngày 23 tháng 04 năm 2012, Công ty tiến hành thay đổi lại giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ ba tăng vốn điều lệ Công ty từ 138.000.000.000 đồng lên 156.880.000.000 đồng, bằng hình thức phát hành riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim màu, đồng thời đăng ký thêm một số ngành nghề kinh doanh như sản xuất xi măng, vôi, thạch cao, sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao... Công ty cũng tiến hành thay đổi người diện diện theo pháp luật và đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện Kim màu.

Ngày 25 tháng 09 năm 2012, Công ty được UBCKNN chấp thuận trở thành công ty đại chúng.

Ngày 16/09/2014, Công ty tiến hành thay đổi lại giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ năm, thay đổi địa chỉ trụ sở chính Công ty chuyển về: Km 15, Quốc lộ 21, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

3. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

Ngành nghề kinh doanh:

- Bán buôn kim loại màu và quặng kim loại;
- Khai thác quặng sắt;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Mua bán sắt thép;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Mua bán và chế biến than các loại; Mua bán xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng và các sản phẩm liên quan;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Đại lý du lịch;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;

- Xây dựng công trình Kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình điện có điện áp dưới 35KV;
- Sản xuất kinh doanh và in ấn các loại bao bì, các loại sản phẩm có nguồn gốc từ nhựa và hạt nhựa.

Địa bàn kinh doanh

Công ty hoạt động kinh doanh trên các địa bàn: Toàn quốc

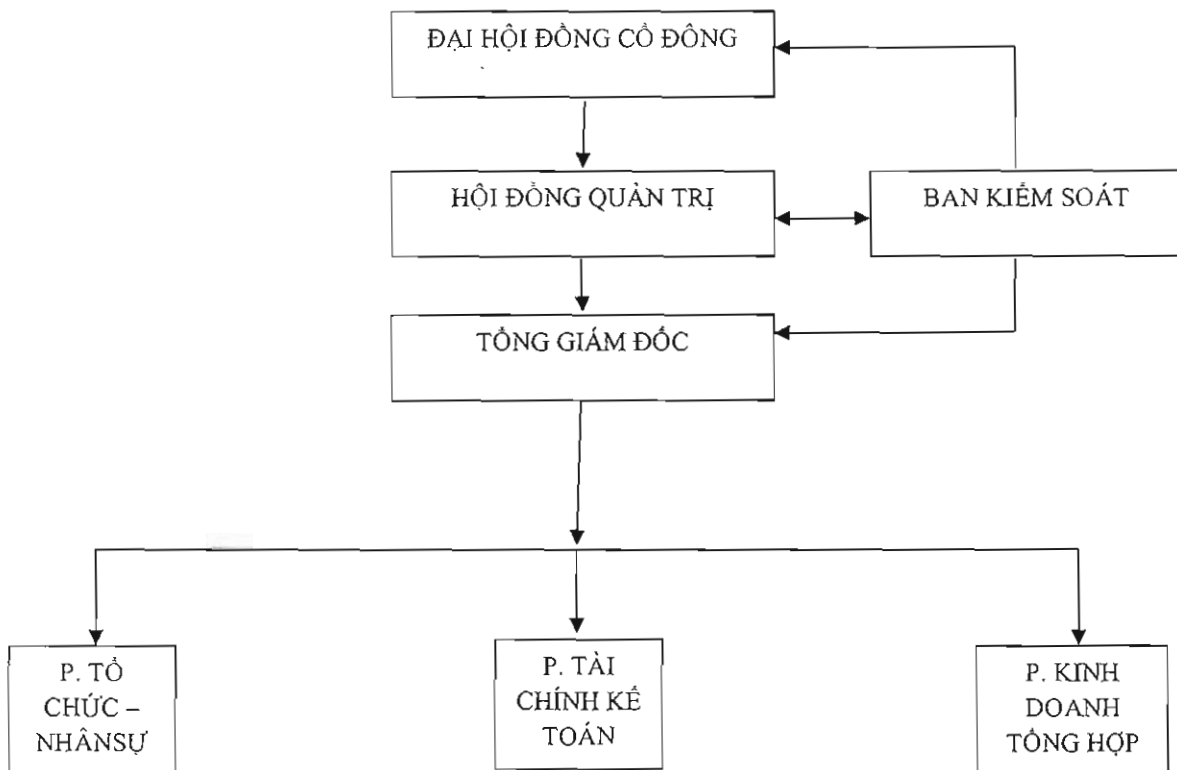
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị công ty như sau: Đại hội đồng cổ đông; Ban kiểm soát; Hội đồng quản trị; Ban Tổng giám đốc; và các phòng ban chức năng.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện Kim Màu được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 68/QH13 đã được Quốc Hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, các Luật khác và điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim màu được đại hội cổ đông nhất trí thông qua.



5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

Mục tiêu chủ yếu của công ty là tiến hành mở rộng hệ thống dịch vụ nhằm thoả mãn nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng, mặt khác công ty không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng ngày càng tốt yêu cầu khắt khe của khách hàng.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn của công ty là xem xét nghiên cứu tìm hiểu thị trường để đầu tư vào nhiều lĩnh vực tiềm năng trên cơ sở những thế mạnh kinh doanh sẵn có, nhằm mang lại lợi ích kinh tế lớn nhất và đưa công ty phát triển lên một tầm cao mới.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

Công ty đảm bảo rằng vấn đề trách nhiệm với môi trường, xã hội và cộng đồng là phần gắn liền với hệ thống quản lý và văn hoá của Doanh nghiệp.

6. Các rủi ro:

Tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn trong giai đoạn khó khăn, thị trường vật liệu xây dựng có nhiều thay đổi và chưa được ổn định, sự cạnh tranh giữa các đơn vị cùng ngành nghề ngày càng khốc liệt. Các yếu tố trên có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

II. Tình hình hoạt động của Công ty trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Tỷ trọng 2017/2016
Doanh thu	142.351.665.289	135.662.405.586	95,3%
Lợi nhuận trước thuế	-4.794.044.468	-11.398.040.582	-
Lợi nhuận sau thuế	-4.794.044.468	-11.398.040.582	-

Lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm 2017 là số âm và giảm so với cùng kỳ năm trước là 6.603.996.114 đồng. Nguyên nhân trong kỳ Chúng tôi giảm doanh thu bán hàng thương mại, đồng thời Chúng tôi thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi và tăng chi phí khác nên doanh thu và lợi nhuận đều giảm so với cùng kỳ năm trước.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

Danh sách	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
Ông Phan Ngọc Vũ	Tổng giám đốc	0 %
Ông Nguyễn Tiến Thành	Kế toán Trưởng	0 %

– Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

Các định mức lao động, đơn giá tiền lương được rà soát điều chỉnh 06 tháng một lần cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh. Quy chế lương, thưởng minh bạch và thực hiện việc thanh toán đúng kỳ hạn. Khuyến khích người lao động cùng quản lý và phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm trong sản xuất. Tổng số lao động bình quân trong năm của công ty: 09 người. Thu nhập bình quân: 4.500.000 đồng/người/tháng.

Chế độ làm việc:

Người lao động trong công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật về lao động và các khoản trợ cấp, thưởng, người lao động được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế...

Công ty thực hiện chế độ làm việc 5 ngày làm việc/tuần và 8 giờ/ngày.

Chính sách tuyển dụng đào tạo:

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển của công ty, công ty đặc biệt chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề, chuyên môn của các cán bộ công nhân viên.

Đối với lao động trực tiếp:

Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo trực tiếp lao động ngay tại Công ty kết hợp cử những lao động có tay nghề cao, kinh nghiệm lâu năm, tham dự các khóa đào tạo kiến thức, kỹ năng thực hiện các ngành nghề, dịch vụ mà công ty định hướng phát triển.

Đối với lao động gián tiếp:

Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học cả trong và ngoài nước với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

Công ty áp dụng chính sách trả lương theo năng suất và hiệu quả làm việc của từng lao động, có chính sách khen thưởng xứng đáng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: không
- b) Các công ty con, công ty liên kết:

4. Tình hình tài chính

- a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2016 (đồng)	Năm 2017 (đồng)	Tăng/Giảm
Tổng giá trị tài sản	402.196.702.056	332.103.053.578	82,5%
Doanh thu thuần	142.351.665.289	135.662.405.586	95,3%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-2.431.279.773	-8.939.792.916	-
Lợi nhuận khác	-2.362.764.695	-2.458.247.666	-
Lợi nhuận trước thuế	4.794.044.468	-11.398.040.582	-
Lợi nhuận sau thuế	-4.794.044.468	-11.398.040.582	-

- b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,38	0,66	
+ Hệ số thanh toán nhanh: $\frac{\text{TSNH} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	1,32	0,65	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,41	0,33	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,68	0,49	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	13,87	19,14	

+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,35	0,41	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	-	-	
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	-	-	
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	-	-	
+ Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	-	-	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu : 23.888.000 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành: 23.888.000 CP

Trong đó:

- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 23.888.000 CP
- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 0 CP

b) Cơ cấu cổ đông:

TT	Loại hình sở hữu cổ phần	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông nhà nước	0	0
2	Cổ đông tổ chức	738.830	3,1%
3	Cổ đông cá nhân	23.149.170	96,9%
4	Cổ phiếu quỹ	0	0

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không

e) Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: không

b). Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không

6.2 Tiêu thụ năng lượng

- a). Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp : không
- b). Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không
- c). Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: không

6.3 Tiêu thụ nước

Trong năm 2017, Công ty KSK chủ yếu trong lĩnh vực thương mại, lượng nước sử dụng chỉ phục vụ cho văn phòng.

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động
 - Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến ngày 31/12/2017: 9 người
 - Mức lương trung bình đối với người lao động: 4.500.000 đồng/người/tháng
- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động
 - Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi của người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.
- c) Hoạt động đào tạo người lao động
 - Thực hiện tốt công tác nhân sự và tuyển dụng lao động, xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực dài hạn và đáp ứng được sự phát triển của công ty.
 - Công ty xây dựng và thực hiện các kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ tốt nhất cho người lao động trong công việc và phát triển sự nghiệp.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương luôn được công ty quan tâm thực hiện. Công ty tích cực trong việc đóng góp, ủng hộ các quỹ tại địa phương.

6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

- Công ty đang có những định hướng và áp dụng để phát triển hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.



III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám Đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2016 (đồng)	Năm 2017 (đồng)	Tỷ lệ
Doanh thu thuần	142.351.665.289	135.662.405.586	95,3%
Lợi nhuận trước thuế	-4.794.044.468	-11.398.040.582	-
Lợi nhuận sau thuế	-4.794.044.468	-11.398.040.582	-

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tổng tài sản đầu kỳ: 402.196.702.056 đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là: 220.193.252.134 đồng và tài sản dài hạn là: 182.003.449.922 đồng.

Tổng tài sản cuối kỳ: 332.103.053.578 đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là: 72.777.596.241 đồng và tài sản dài hạn là: 259.325.457.337 đồng.

b) Tình hình nợ phải trả

– Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Nợ phải trả đầu kỳ là 162.993.835.500 đồng, tới cuối kỳ là 109.821.222.751 đồng.

– Hiện tại công ty không có khoản nợ phải trả xấu.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Hoàn thiện mô hình tổ chức và tái cơ cấu trúc toàn Công ty, bổ sung điều chuyển lao động các đơn vị phù hợp với mô hình tổ chức sau khi tái cấu trúc và tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của đơn vị, xây dựng, ban hành các quy chế phối hợp các phòng, ban trong công ty.

Các công tác quản lý được quan tâm từ các khâu: Tổ chức, quản trị các hoạt động sản xuất, quản trị tài chính, quản trị các chi phí theo đúng quy định hiện hành cũng như mới ban hành. Các quy trình quản lý sản xuất được rà soát, sửa đổi làm mới phù hợp với mô hình sản xuất kinh doanh.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Bám sát thị trường, đảm bảo duy trì tốt các hoạt động sản xuất chính của công ty.

Lựa chọn các hạng mục đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng để tiếp tục mở rộng và phát triển sản xuất cho năm 2018 và các năm tiếp theo.



Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo năng suất, chất lượng và đầu tư đổi mới công nghệ ứng dụng trong sản xuất.

Quản lý tốt các chi phí, triệt để tiết kiệm, đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có tính luỹ cần thiết để đầu tư và mở rộng sản xuất.

5. **Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:**

- **“Số dư khoản phải trả đầu năm và cuối năm**

Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán với Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội với ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến khoản phải trả Công ty Cổ phần Mỏ và Xuất nhập khẩu khoáng sản Miền Trung với số tiền là 71.829 triệu đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như được nêu trong báo cáo kiểm toán ngày 30 tháng 3 năm 2017. Do hạn chế về thông tin, chúng tôi không thể xác định được tính chính xác và hiện hữu của số dư phải trả này tại ngày 30 tháng 6 năm 2017. Do đó, chúng tôi cũng đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với số dư phải trả này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Thuyết minh 12). Do đó, chúng tôi cũng đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với số dư phải trả này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lỗ lũy kế tại ngày 1 tháng 1 năm 2017, cũng như ảnh hưởng có thể có của các vấn đề này đến tính so sánh của dữ liệu tương ứng với dữ liệu năm hiện tại.”

Giải trình của Công ty: Đây là khoản phải trả của hợp đồng mua, bán hàng hóa thương mại của Công ty với Công ty Cổ phần Mỏ và Khoáng sản Miền Trung trong năm 2014.

- **“Số dư các Hợp đồng hợp tác kinh doanh đầu năm và cuối năm**

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với việc xác định giá trị tổn thất của các Hợp đồng hợp tác đầu tư này. Do hạn chế về thông tin, chúng tôi cũng không thể thu thập được hồ sơ liên quan đến hoạt động của các Hợp đồng hợp tác đầu tư với số tiền là 210 tỷ VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Thuyết minh 7). Do đó, Chúng tôi cũng đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với giá trị tổn thất, nếu có, của các Hợp đồng hợp tác đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lỗ lũy kế tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như ảnh hưởng có thể có của vấn đề này đến tính so sánh của dữ liệu tương ứng với dữ liệu năm hiện tại”.

Giải trình của Công ty: Đây đều là các đối tác uy tín, có mối quan hệ lâu dài với công ty nên Chúng tôi tin tưởng việc hợp tác này sẽ đem lại hiệu quả.

- **“Số liệu so sánh**

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với hồ sơ chứng từ liên quan đến việc ghi nhận doanh thu và giá vốn hàng bán trong năm. Chúng

tôi cũng đưa ý kiến ngoại trừ về các báo cáo tài chính năm nay do ảnh hưởng có thể có của các vấn đề này đến tính so sánh của số liệu kỳ hiện tại với các số liệu so sánh.”

Giải trình của Công ty: Do hoạt động kinh doanh trong năm của Chúng tôi chủ yếu là thương mại: mua, bán hàng hóa thương mại với các đối tác đã có mối quan hệ lâu dài với Công ty.

- “ **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 15, trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã rà soát và điều chỉnh các số dư liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty từ những năm trước. Tuy nhiên do không thể xác định được ảnh hưởng của sai sót đến từng kỳ, Công ty đã không điều chỉnh hồi tố vào báo cáo tài chính của năm trước mà điều chỉnh các sai sót này vào các báo cáo tài chính của kỳ hiện tại.”

Giải trình của Công ty: Trong kỳ, Công ty đã rà soát và điều chỉnh các số dư liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty từ những năm trước, tuy nhiên Chúng tôi không điều chỉnh hồi tố vào báo cáo tài chính của năm trước mà điều chỉnh các sai sót vào báo cáo tài chính hiện tại.

- “**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với việc xác định giá trị tổn thất của các Hợp đồng hợp tác đầu tư, hồ sơ chứng từ liên quan đến việc ghi nhận doanh thu và giá vốn hàng bán và khoản phải trả của Công ty CP Mỏ và Xuất nhập khẩu Miền Trung vào ngày 30 tháng 03 năm 2017”.

Giải trình của Công ty: Về các hợp đồng hợp tác đầu tư: Đây đều là các đối tác uy tín, có mối quan hệ lâu dài với công ty nên Chúng tôi tin tưởng các khoản đầu tư này sẽ mang lại lợi nhuận cho Công ty. Về hồ sơ chứng từ liên quan đến việc ghi nhận doanh thu, giá vốn hàng bán: Do hoạt động kinh doanh trong năm của Chúng tôi chủ yếu là thương mại mua, bán hàng hóa thương mại với các đối tác đã có mối quan hệ lâu dài với Công ty.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

a). *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải,...)*

Các chỉ tiêu môi trường và trách nhiệm về môi trường luôn được đảm bảo và ưu tiên trong việc phát triển bền vững Công ty.

b). *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động*

AMV coi con người là cội nguồn của sức mạnh, công ty luôn chú trọng đến chế độ, chính sách để đảm bảo quyền lợi và lợi ích của người lao động.

c). *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương*

11/01/2018

Công ty có trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương, tích cực tham gia đóng góp các quỹ của địa phương.

IV. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty*

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*

Năm 2017, trong bối cảnh kinh tế thế giới chưa thoát khỏi khủng hoảng, kinh tế trong nước còn nhiều biến động; Tổng cầu toàn xã hội giảm, bên cạnh đó các giải pháp của Chính phủ về tái cấu trúc hệ thống tài chính, ngân hàng đã dẫn đến khó khăn về tiếp cận vốn của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh nói chung, đặc biệt khó khăn với các doanh nghiệp ngành khai thác khoáng sản nói riêng.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng giám đốc công ty trong việc điều hành hoạt động và công tác quản lý nói chung. Trong bối cảnh khó khăn chung của kinh tế thị trường, công ty đã có cố gắng trong sản xuất kinh doanh, tuy nhiên kết quả kinh doanh chưa được khả quan.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

Trong thời gian tới, tiếp tục định hướng công ty theo sát tình hình thị trường, đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất ổn định, cải tiến kỹ thuật, nâng cấp công nghệ đáp ứng chất lượng dịch vụ và giá trị thương hiệu; lựa chọn hạng mục đầu tư, quy mô đầu tư để tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh ... tiếp tục đưa Công ty tăng trưởng mạnh mẽ trong tương lai.

Trong năm 2018, mục tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty phải đạt lợi nhuận cao hơn để tăng niềm tin của cổ đông.

Hội đồng quản trị xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm mang tính chất sống còn đối với tương lai của công ty. Vì vậy, việc phải nâng cao hiệu quả Quản trị doanh nghiệp, đáp ứng kỳ vọng của các cổ đông đồng thời thu hút và tạo động lực cho người lao động phát huy tài năng nhiệt huyết đóng góp cho sự phát triển công ty một cách bền vững là ưu tiên lớn nhất của công ty.

V. *Quản trị công ty*

1. *Hội đồng quản trị*

a) *Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị*

STT	Thành viên HĐQT	Chức Danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
1	Trần Mạnh Hùng	Chủ tịch	0%
2	Trần Anh Tú	Thành viên	0%

3	Lâm Hoàng Giang	Thành viên	0%
4	Phan Ngọc Vũ	Thành viên	0%
6.	Đỗ Tiến Đức	Thành viên	0%

b) *Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có*

c) *Hoạt động của Hội đồng quản trị:*

HĐQT là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty trừ những quyền thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. Hội đồng quản trị họp định kỳ và đưa ra phương hướng kế hoạch trong thời gian tới. HĐQT hiện nay của công ty có 5 thành viên mỗi nhiệm kỳ của từng thành viên là 5 năm. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu ra.

HĐQT giám sát thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư đã được HĐQT và ĐHCĐ thông qua. Giám sát các hoạt động điều hành của Tổng giám đốc để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được an toàn.

d) *Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: không có*

e) *Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có*

f) *Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: không có*

2. **Ban Kiểm soát**

a) *Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:*

Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
Nguyễn Thị Tuyết	TB Kiểm soát	0%
Trần Thị Hạnh	Thành viên	0%
Chữ Thị Ngọc Hà	Thành viên	0%

b) *Hoạt động của Ban kiểm soát:*

- Trong năm 2017, Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ về các nội dung sau:

+ Triển khai chương trình công tác năm 2017.

+ Thông qua báo cáo thẩm định tình hình kinh doanh, thẩm định báo cáo tài chính các tháng, BCTC các quý và BCTC cả năm 2017, báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2017 để trình tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.

+ Ban kiểm soát mới được bầu tại ĐHĐCĐ thường niên họp bầu trưởng ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ của từng thành viên trong Ban kiểm soát.

+ Thông qua báo cáo thẩm định báo cáo hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017.

+ Thống nhất kế hoạch triển khai công tác thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo quyết toán tài chính năm 2017 và báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2017 của HĐQT để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.

- Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty năm 2017, cụ thể:

+ Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm 2017 theo các quy định của pháp luật và của Công ty.

+ Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trong năm.

+ Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đối với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc .

+ Thẩm tra các Báo cáo tài chính quý, bán niên, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.

- Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát nhận được sự phối hợp và hỗ trợ của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc cũng như các Phòng/Ban nghiệp vụ/Đơn vị trực thuộc để BKS thực hiện nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao.

3. *Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát*

10/10/2017

- a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Không có
- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có
- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, quản trị, điều hành của ban Giám đốc và đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị đối với bộ máy điều hành.

VI. Báo cáo tài chính:

Xin tham khảo tài liệu đính kèm.

CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU



TRẦN MẠNH HÙNG



Grant Thornton

Báo cáo tài chính và Báo cáo kiểm toán độc lập

Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017



Nội dung

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu ("Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Kiểm toán

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam) kiểm toán.

Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Thành viên	
Ông Trần Mạnh Hùng	Chủ tịch	
Ông Lê Đức Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 2 tháng 7 năm 2017
Ông Phan Ngọc Vũ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 7 năm 2017
Ông Lâm Hoàng Giang	Thành viên	
Ông Trần Anh Tú	Thành viên	
Ông Lê Hữu Lộc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 2 tháng 7 năm 2017
Ông Đỗ Tiến Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 7 năm 2017
Ban Kiểm soát	Thành viên	
Ông Nguyễn Mạnh Linh	Trưởng ban	
Bà Trần Thị Hạnh	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Tuyết	Thành viên	
Ban Giám đốc	Thành viên	
Ông Lê Đức Dũng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 2 tháng 7 năm 2017
Ông Phan Ngọc Vũ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 7 năm 2017

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các báo cáo tài chính đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Khi lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn chính sách kế toán thích hợp cùng với các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Tuân thủ với các yêu cầu công bố thông tin theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính;
- Duy trì đầy đủ các ghi chép kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả;

- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp giả định về việc Công ty tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai gần không còn phù hợp; và
- Kiểm soát và điều hành Công ty hiệu quả thông qua các quyết định trọng yếu có ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động và các đánh giá mà những quyết định và/hoặc hướng dẫn này đã được phản ánh trên các báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và do đó thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty tuân thủ theo các quy định trên trong việc trình bày các báo cáo tài chính.

Báo cáo của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, cùng với các thuyết minh đính kèm, đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại 31 tháng 12 năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân theo các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Phan Ngọc Vũ
Tổng Giám đốc

Hòa Bình, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2018



Báo cáo kiểm toán độc lập

Về các báo cáo tài chính của
Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Grant Thornton (Vietnam) Limited
18th Floor
Hoa Binh International Office Building
106 Hoang Quoc Viet Street
Cau Giay District, Hanoi
Vietnam

T +84 24 3850 1686
F +84 24 3850 1688

Số: 17-11-049-2

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu ("Công ty"), được lập vào ngày 30 tháng 3 năm 2018, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, cùng với bản tóm tắt các chính sách kế toán quan trọng và các thuyết minh khác, như được trình bày từ trang 5 đến trang 22.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá các rủi ro có sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng, tính hợp lý của các ước tính kế toán thực hiện của Ban Giám đốc cũng như việc đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên

Số dư khoản phải trả đầu năm và cuối năm

Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội với ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến khoản phải trả Công ty Cổ phần Mỏ và Xuất nhập khẩu Khoáng sản Miền Trung với số tiền là 71.829 triệu đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như được nêu trong báo cáo kiểm toán ngày 30 tháng 3 năm 2017. Do hạn chế về thông tin, chúng tôi

không thể xác định được tính chính xác và hiện hữu của số dư phải trả này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Thuyết minh 12). Do đó, chúng tôi cũng đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với số dư phải trả này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lỗ lũy kế tại ngày 1 tháng 1 năm 2017, cũng như ảnh hưởng có thể có của vấn đề này đến tính so sánh của dữ liệu tương ứng với dữ liệu năm hiện tại.

Số dư các Hợp đồng Hợp tác kinh doanh đầu năm và cuối năm

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với việc xác định giá trị tổn thất của các Hợp đồng hợp tác đầu tư với số tiền là 130 tỷ VNĐ do không thu thập được hồ sơ liên quan đến kết quả của các hoạt động hợp tác đầu tư này. Do hạn chế về thông tin, chúng tôi cũng không thể thu thập được hồ sơ liên quan đến kết quả hoạt động của các Hợp đồng hợp tác đầu tư với số tiền là 210 tỷ VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Thuyết minh 7). Do đó, chúng tôi cũng đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với giá trị tổn thất, nếu có, của các Hợp đồng hợp tác đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lỗ lũy kế tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như ảnh hưởng có thể có của vấn đề này đến tính so sánh của dữ liệu tương ứng với dữ liệu năm hiện tại.

Số liệu so sánh

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với hồ sơ chứng từ liên quan đến việc ghi nhận doanh thu và giá vốn hàng bán trong năm. Chúng tôi cũng đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về các báo cáo tài chính năm nay do ảnh hưởng có thể có của các vấn đề này đến tính so sánh của số liệu năm hiện tại với các số liệu so sánh.

Ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn *Cơ sở ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên*, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Mậu tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ với các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày trong Thuyết minh 15, trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã rà soát và điều chỉnh các số dư liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty từ những năm trước. Tuy nhiên do không thể xác định được ảnh hưởng của sai sót đến từng năm, Công ty đã không điều chỉnh hồi tố vào các báo cáo tài chính của năm trước mà điều chỉnh các sai sót này vào các báo cáo tài chính của năm hiện tại.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với việc xác định giá trị tổn thất của các Hợp đồng hợp tác đầu tư, hồ sơ chứng từ liên quan đến việc ghi nhận doanh thu và giá vốn hàng bán và khoản phải trả Công ty Cổ phần Mỏ và Xuất nhập khẩu Khoáng sản Miền Trung vào ngày 30 tháng 3 năm 2017.



Lê Thế Việt
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0821-2018-068-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Địch Dũng
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 2484-2014-068-1
Kiểm toán viên

Bảng cân đối kế toán

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2017 VND	31 tháng 12 năm 2016 VND <i>(Phân loại lại)</i>
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn		100	72.777.596.241	220.193.252.134
Tiền và các khoản tương đương tiền		110	257.174.319	171.251.410
Tiền	5	111	257.174.319	171.251.410
Các khoản phải thu ngắn hạn		130	71.240.789.590	209.455.483.393
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	131	73.251.528.031	104.470.742.508
Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	19.596.160	437.142.400
Phải thu ngắn hạn khác	7	136	10.312.000.000	107.741.882.137
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	137	(12.342.334.601)	(3.957.904.624)
Tái sản thiếu chờ xử lý		139	-	763.620.972
Hàng tồn kho		140	1.236.256.089	10.411.062.469
Hàng tồn kho	9	141	3.761.374.620	10.411.062.469
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149	(2.525.118.531)	-
Tài sản ngắn hạn khác		150	43.376.243	155.454.862
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152	43.376.243	155.454.862
Tài sản dài hạn		200	259.325.457.337	182.003.449.922
Các khoản phải thu dài hạn		210	210.000.000.000	130.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	7	216	210.000.000.000	130.000.000.000
Tài sản cố định		220	29.325.457.337	32.003.449.922
Tài sản cố định hữu hình	10	221	29.325.457.337	32.003.449.922
- Nguyên giá		222	44.019.729.878	44.019.729.878
- Giá trị hao mòn lũy kế		223	(14.694.272.541)	(12.016.279.956)
Đầu tư tài chính dài hạn		250	20.000.000.000	20.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11	253	20.000.000.000	20.000.000.000
Tổng tài sản		270	332.103.053.578	402.196.702.056

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2017 VND	31 tháng 12 năm 2016 VND <i>(Phân loại lại)</i>
NGUỒN VỐN				
Nợ phải trả		300	109.821.222.751	162.993.835.500
Nợ ngắn hạn		310	109.821.222.751	159.493.835.500
Phải trả người bán ngắn hạn	12	311	109.171.319.288	130.819.856.324
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	-	300.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	313	312.403.463	826.548.696
Phải trả người lao động		314	37.200.000	34.500.000
Chi phí phải trả ngắn hạn		315	100.000.000	140.000.000
Phải trả ngắn hạn khác		319	185.000.000	185.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	320	15.300.000	27.187.930.480
Nợ dài hạn			-	3.500.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	338	-	3.500.000.000
Vốn chủ sở hữu		400	222.281.830.827	239.202.866.556
Vốn chủ sở hữu	15	410	222.281.830.827	239.202.866.556
Vốn góp của chủ sở hữu	16	411	238.880.000.000	238.880.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a	238.880.000.000	238.880.000.000
(Lỗ lũy kế)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421	(16.598.169.173)	322.866.556
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		421a	(5.200.128.591)	5.116.911.024
- Lỗ năm nay		421b	(11.398.040.582)	(4.794.044.468)
Tổng nguồn vốn		440	332.103.053.578	402.196.702.056

Hòa Bình, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2018



Phan Ngọc Vũ
Tổng Giám đốc

Nguyễn Tiến Thành
Kế toán trưởng

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Thuyết minh	Mã số	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 VNĐ	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	01	135.662.405.586	142.351.665.289
Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10	135.662.405.586	142.351.665.289
Giá vốn hàng bán	19,22	11	(135.247.670.133)	(139.932.384.991)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20	414.735.453	2.419.280.298
Doanh thu hoạt động tài chính		21	22.629	720.553
Chi phí bán hàng	22	25	(132.000.000)	(81.000.000)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	20,22	26	(9.222.550.998)	(4.770.280.624)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh		30	(8.939.792.916)	(2.431.279.773)
Thu nhập khác		31	-	500.227.889
Chi phí khác	21	32	(2.458.247.666)	(2.862.992.584)
Lỗ khác		40	(2.458.247.666)	(2.362.764.695)
Lỗ kế toán trước thuế		50	(11.398.040.582)	(4.794.044.468)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	23	51	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	23	52	-	-
Lỗ sau thuế TNDN	15	60	(11.398.040.582)	(4.794.044.468)
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	17	71	(477)	(201)



Phan Ngọc Vũ
Tổng Giám đốc

Nguyễn Tiến Thành
Kế toán trưởng

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

(phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Thuyết minh	Mã số	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND (Trình bày lại)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lỗ trước thuế		01	(11.398.040.582)	(4.794.044.468)
Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao và phân bổ		02	2.677.992.585	2.677.992.584
Các khoản dự phòng		03	10.909.548.508	3.957.904.624
Lãi từ hoạt động đầu tư		05	(22.629)	(720.553)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động				
Thay đổi các khoản phải thu		08	2.189.477.882	1.841.132.187
Thay đổi hàng tồn kho		09	49.548.796.205	(60.820.152.989)
Thay đổi các khoản phải trả		10	832.547.469	(639.986.645)
Thay đổi các khoản phải trả		11	(21.712.290.796)	34.053.674.702
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		15	(100.000.000)	(50.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		20	30.758.530.760	(25.615.332.745)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền thu hồi cho vay		24	-	3.362.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		25	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		27	22.629	720.553
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		30	22.629	3.362.720.553
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay		33	294.300.000	57.289.000.000
Tiền trả nợ gốc vay		34	(30.966.930.480)	(35.150.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			(30.672.630.480)	22.138.500.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm			85.922.909	(114.112.192)
Tiền và tương đương tiền đầu năm		5	171.251.410	285.363.602
Tiền và tương đương tiền cuối năm		5	257.174.319	171.251.410



Phan Ngọc Vũ
Tổng Giám đốc

Nguyễn Tiên Thành
Kế toán trưởng

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

1. Đặc điểm hoạt động của Công ty

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu tiền thân là Công ty Cổ phần nhựa Hamico được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0700382548, đăng ký lần đầu ngày 3 tháng 8 năm 2009, và các lần sửa đổi sau đó với Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp mới nhất, thay đổi lần thứ 8, ngày 20 tháng 7 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp (sau đây gọi chung là "Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp").

Trụ sở chính của Công ty tại Km15, Quốc lộ 21, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam.

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 238.880.000.000 đồng, được chia thành 23.888.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong kỳ bao gồm:

- Buôn bán vật liệu trong xây dựng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác, chế biến khoáng sản; và
- Mua bán thực phẩm nông sản.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 9 nhân viên (31 tháng 12 năm 2016: 9 nhân viên).

2. Niên độ kế toán và đơn vị tiền tệ

2.1 Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam ("VND").

3. Cơ sở lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở những quốc gia hoặc thể chế ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính của Công ty không nhằm dành cho những đối tượng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ Việt Nam.

4. Chính sách kế toán áp dụng

4.1 Tỷ giá hối đoái

Các nghiệp vụ phát sinh bằng tiền tệ khác với đồng tiền báo cáo là VND được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được qui đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được qui đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập các báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan của Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc đưa ra các ước tính và giả định mà có ảnh hưởng tới tài sản công nợ trên báo cáo và việc trình bày các khoản tài sản và công nợ tiềm tàng tại ngày báo cáo cũng như doanh thu chi phí phát sinh trong giai đoạn báo cáo. Kết quả thực tế có thể khác so với số liệu ước tính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng cũng như các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao và các khoản tiền ký quỹ, ký cược tại ngân hàng với kỳ hạn không quá 3 tháng.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Giám đốc Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Đối với các sản phẩm sản xuất, giá hàng tồn kho bao gồm một phần hợp lý định phí và biến phí trong chi phí sản xuất chung dựa trên công suất hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí sản xuất để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kèm phẩm chất, lỗi thời, v.v...) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Công ty áp dụng kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, với tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10

4.8 Nợ phải trả và chi phí trích trước

Khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận trên cơ sở số tiền phải thanh toán trong tương lai liên quan đến các tài sản và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hay chưa nhận được hóa đơn.

4.9 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Công ty sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

4.10 Thuê hoạt động

Việc thuê tài sản trong đó phần lớn tất cả các lợi ích và rủi ro của quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê được ghi nhận là khoản thuê hoạt động. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh vốn do chủ sở hữu đầu tư hiện có và tình hình tăng, giảm vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập lũy kế của Công ty tại thời điểm báo cáo.

4.12 Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu tiền, ước tính hợp lý của giá vốn hoặc khả năng hàng hóa bị trả lại.

Lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở theo tỉ lệ thời gian sử dụng phương pháp lãi suất thực tế.

4.13 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Nghĩa vụ/Tài sản về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm các nghĩa vụ, các khoản phải thu thuế đối với cơ quan thuế liên quan đến giai đoạn báo cáo hiện tại và các giai đoạn trước mà vẫn chưa thanh toán tại ngày cuối giai đoạn báo cáo. Nghĩa vụ về thuế thu nhập hiện hành được tính trên cơ sở thuế suất và quy định về thuế áp dụng cho giai đoạn báo cáo dựa trên mức lợi nhuận chịu thuế trong năm. Toàn bộ thay đổi về nghĩa vụ hay tài sản thuế hiện tại được ghi nhận là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp nghĩa vụ thuế trên các khoản chênh lệch tạm thời. Phương pháp này so sánh giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ trên bảng cân đối kế toán với các cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản và công nợ đó. Ngoài ra, các khoản lỗ có thể mang sang năm kế tiếp cũng như các khoản thuế thu nhập phải trả khác được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả luôn được ghi nhận đầy đủ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có thể được sử dụng bởi lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được tính, không chiết khấu, bằng thuế suất dự kiến áp dụng cho giai đoạn ghi nhận tương ứng, với điều kiện những tài sản và nợ thuế thu nhập này được thực hiện hoặc được thực hiện chắc chắn tại ngày bảng cân đối kế toán. Hầu hết những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận như một phần của chi phí thuế trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chỉ những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến thay đổi giá trị những tài sản và nợ mà được tính trực tiếp vào nguồn vốn thì mới được ghi thẳng vào nguồn vốn.

4.14 Lãi/Lỗ trên mỗi cổ phiếu

Lãi/Lỗ cơ bản trên mỗi cổ phiếu

Lãi/Lỗ cơ bản được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân phối cho các cổ đông phổ thông sau khi đã trích lập quỹ khen thưởng, phụ lợi trên số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

4.15 Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông và công ty mẹ cuối cùng của các công ty con và các công ty liên kết của các công ty này.

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể, đối với bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu một sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể.

4.16 Công cụ tài chính

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng các Chuẩn mực Lập và trình bày Báo cáo tài chính Quốc tế ("IFRS") về trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ yêu cầu trình bày và thuyết minh đối với các công cụ tài chính theo IFRS, do vậy việc ghi nhận và đánh giá các tài sản và khoản nợ thể hiện trên báo cáo tài chính của Công ty vẫn tuân theo quy định của Chuẩn mực và Chế độ Kế toán của Việt Nam.

Phân loại

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính thành các nhóm sau đây:

Đối với tài sản tài chính:

- Tài sản tài chính ghi nhận lãi lỗ theo giá trị hợp lý
- Tài sản tài chính được giữ đến ngày đáo hạn
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu

Đối với các khoản nợ tài chính:

- Nợ tài chính ghi nhận lãi lỗ theo giá trị hợp lý
- Nợ tài chính khác ghi nhận theo giá trị phân bổ.

4.17 Các sự kiện tiềm tàng

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi dẫn đến suy giảm lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính nhưng được công bố khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

4.18 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được công bố trên thuyết minh nếu trọng yếu.

4.19 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Chế độ Kế toán Việt Nam, được công bố ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31 tháng 12 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
	VND	VND
Tiền mặt	253.358.104	167.373.931
Tiền gửi ngân hàng	3.816.215	3.877.479
	257.174.319	171.251.410

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31 tháng 12 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
	VND	VND
Phải thu khách hàng là bên thứ ba		
Công ty TNHH Công Bình	20.676.499.000	-
Công ty TNHH XNK nông sản và thức ăn chăn nuôi PPA	32.128.045.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc (Thuyết minh 8)	4.577.650.000	4.577.650.000
Các khách hàng khác (Thuyết minh 8)	8.285.389.129	7.808.353.745
	65.667.583.129	12.386.003.745
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Thuyết minh 24)		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đông Bắc	-	2.640.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Gia Lai	858.730.000	183.330.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Hưng Long (Thuyết minh 8)	258.560.602	258.560.602
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoà Bình (Thuyết minh 8)	6.466.654.300	6.466.654.300
Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận	-	82.536.193.861
	7.583.944.902	92.084.738.763
	73.251.528.031	104.470.742.508

7. Phải thu khác

	31 tháng 12 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
	VND	VND
Phải thu khác ngắn hạn		
Công ty TNHH Gạch Đại Hoàng (1)	-	2.511.882.137
Tạm ứng cho các bên liên quan (Thuyết minh 24)		
- Ông Lê Hữu Lộc (2)	10.312.000.000	15.200.000.000
- Bà Phạm Thị Hải Yến (3)	-	87.030.000.000
Tạm ứng cho cá nhân khác		
- Ông Nguyễn Đình Trường (4)	-	3.000.000.000
	10.312.000.000	107.741.882.137
Phải thu khác dài hạn		
Phải thu từ các đơn vị khác		
- Công ty TNHH Kim cương Lai Châu (5)	-	21.000.000.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng Ba Đình (6)	70.000.000.000	70.000.000.000
- Công ty Cổ phần Phát triển INC (7)	80.000.000.000	-
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh 24)		
- Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Đông Bắc (8)	60.000.000.000	39.000.000.000
	210.000.000.000	130.000.000.000
	220.312.000.000	237.741.882.137

- (1) Phản ánh khoản phải thu tiền cổ tức từ Công ty TNHH Gạch Đại Hoàng. Trong năm, Công ty đã thu hồi được khoản phải thu này đồng thời hoàn nhập toàn bộ dự phòng phải thu khó đòi đã được trích lập từ các năm trước.



- (2) Phản ánh khoản tạm ứng cho ông Lê Hữu Lộc, thành viên Hội đồng Quản trị, để mua 3.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghiệp Khai khoáng theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ("HĐQT") số 15/2015/NQ-HĐQT và Nghị quyết HĐQT số 17/2015/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 12 năm 2015, theo đó Công ty tạm ứng cho ông Lê Hữu Lộc số tiền trong hạn mức 30 tỷ đồng, thời hạn tạm ứng tối đa là 360 ngày kể từ ngày tạm ứng. Tuy nhiên, theo Nghị quyết HĐQT số 21.12/2017/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2017, thời hạn tạm ứng được gia hạn thêm 360 ngày kể từ ngày ký Nghị quyết để tiếp tục thực hiện việc mua cổ phần.
- (3) Phản ánh khoản tạm ứng 80 tỷ đồng cho bà Phạm Thị Hải Yến, nguyên trưởng phòng kinh doanh, để thực hiện mua 8.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghiệp Khai khoáng theo Nghị quyết HĐQT số 15/2015/NQ-HĐQT và Nghị quyết HĐQT số 16/2015/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 12 năm 2015, theo đó tạm ứng cho bà Phạm Thị Hải Yến số tiền trong hạn mức 80 tỷ đồng, thời hạn tạm ứng tối đa là 360 ngày kể từ ngày tạm ứng. Tuy nhiên, theo Nghị quyết HĐQT số 09.12/2016/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 12 năm 2016 và Nghị quyết HĐQT số 12.12/2016/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 12 năm 2016, thời hạn tạm ứng được gia hạn thêm 360 ngày kể từ ngày ký Nghị quyết để tiếp tục thực hiện việc mua cổ phần.

Ngoài ra, Công ty còn tạm ứng cho bà Phạm Thị Hải Yến để mua 100% vốn của Công ty TNHH Bình Minh theo Nghị quyết số 01.04/2016/NQ-HĐQT ngày 1 tháng 4 năm 2016 với hạn mức 55 tỷ đồng, thời hạn tạm ứng là 18 tháng kể từ ngày tạm ứng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, bà Phạm Thị Hải Yến đã hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng.

- (4) Phản ánh khoản tạm ứng 3 tỷ cho ông Nguyễn Đình Trường để mua 500.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Ô tô Đông Hà theo Nghị quyết HĐQT số 01.06/2016/NQ-HĐQT ngày 1 tháng 6 năm 2016, thời hạn tạm ứng 12 tháng kể từ ngày tạm ứng, hạn mức tạm ứng là 5 tỷ đồng. Tuy nhiên, theo Nghị quyết HĐQT số 30.05/2017/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 5 năm 2017, thời hạn tạm ứng được gia hạn thêm 12 tháng kể từ ngày ký Nghị quyết để tiếp tục thực hiện việc mua cổ phần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, ông Nguyễn Đình Trường đã hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng.

- (5) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 02/2015/HĐHTKD ngày 1 tháng 4 năm 2015 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu và Công ty TNHH Kim cương Lai Châu để thỏa thuận hợp tác kinh doanh đầu tư xây dựng và khai thác khu đất tại Bản Chang, Xã Lê Lợi, Huyện Nậm Nhùn, Tỉnh Lai Châu tổng số vốn là 60 tỷ đồng. Ngày 28 tháng 3 năm 2016, hai bên đã ký Biên bản thanh lý hợp đồng số 02.2015/TL/KSK, theo đó hai bên cùng thỏa thuận và thống nhất tất toán hợp đồng số 02/2015/HĐHTKD và không thực hiện phân chia lãi lỗ cho khoản hợp tác đầu tư trên. Theo đó, Công ty TNHH Kim cương Lai Châu sẽ hoàn trả toàn bộ 30 tỷ cho Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu trong vòng 18 tháng kể từ ngày hai bên ký thanh lý hợp đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty TNHH Kim cương Lai Châu đã hoàn trả khoản đầu tư này.
- (6) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 17/2014/HĐHKD ngày 28 tháng 8 năm 2014 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu và Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng Ba Đình để thỏa thuận hợp tác kinh doanh đầu tư vào dự án Tổ hợp văn phòng, Dịch vụ thương mại và Nhà ở Thành An Tower của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển VDI Việt Nam, tại số 21 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội. Tổng số vốn là 140 tỷ đồng, mỗi bên góp 50%, phân chia lợi nhuận 50% - 50%, thời hạn hợp đồng là 3 năm kể từ ngày ký. Tại ngày của báo cáo này, Dự án này đang trong quá trình xây dựng và hai bên đang trong quá trình thương thảo để gia hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh thêm 3 năm.
- (7) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 2006/2017/HĐHTKD ngày 20 tháng 6 năm 2017, Công ty CP Khoáng sản Luyện kim Màu và Công ty CP Phát triển INC thỏa thuận hợp tác kinh doanh đầu tư vào dự án mở hệ thống nhà hàng của Công ty CP Phát triển INC với tổng số vốn 160 tỷ đồng, mỗi bên góp 50%, phân chia lợi nhuận 50%-50%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư của khoản đầu tư này là 80 tỷ đồng.
- (8) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng từ đất sét nung ngày 15 tháng 1 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Thương mại Đông Bắc, công ty cùng thành viên quản lý chủ chốt, và Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu, mỗi bên góp 60 tỷ đồng để đầu tư mới hai dây chuyền sản xuất gạch tuynel có công suất 90 triệu viên/năm cùng với một bên thứ ba. Thời hạn hợp tác kinh doanh là 10 năm tính theo năm dương lịch (12 tháng) bắt đầu từ ngày dây chuyền sản xuất gạch tuynel này được đầu tư hoàn chỉnh. Từ tháng 2 năm 2017, dây chuyền sản xuất gạch tuynel trên bắt đầu đi vào hoạt động và sản xuất sản phẩm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư của khoản đầu tư này là 60 tỷ đồng.

8. Nợ xấu

	31 tháng 12 năm 2017		31 tháng 12 năm 2016			
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Công ty CP Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc	4.577.650.000	-	4.577.650.000	4.577.650.000	2.286.825.000	2.286.825.000
Ông Đinh Ngọc Dương	-	-	-	413.138.555	-	413.138.555
Cổ tức phải thu Công ty TNHH Gạch Đại Hoàng	-	-	-	2.511.882.137	1.255.941.068	1.255.941.069
Công ty Cp Khoáng sản Hoà Bình	6.466.654.300	-	6.466.654.300	6.466.654.300	6.466.654.300	-
Công ty CPKS và VLXD Hưng Long	258.560.602	129.280.301	129.280.301	258.560.602	258.560.602	-
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Huyện Thanh	2.337.500.000	1.168.750.000	1.168.750.000	2.337.500.000	2.337.500.000	-
	13.640.364.902	1.298.030.301	12.342.334.601	16.565.385.594	12.607.480.970	3.957.904.624

Chi tiết tăng, giảm các khoản dự phòng phải thu trong năm như sau :

	31 tháng 12 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	3.957.904.624	-
Tăng dự phòng trong năm	10.053.509.601	3.957.904.624
Hoán nhập dự phòng	(1.669.079.624)	-
Số dư cuối năm	12.342.334.601	3.957.904.624

9. Hàng tồn kho

	31 tháng 12 năm 2017		31 tháng 12 năm 2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	429.038.458	(429.099.299)	429.038.458	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	3.937.140.381	-
Thành phẩm	885.066.859	(885.072.087)	885.066.859	-
Hàng hóa	2.447.269.303	(1.210.947.145)	5.159.816.771	-
	3.761.374.620	(2.525.118.531)	10.411.062.469	-

Bao gồm trong hàng hóa, thành phẩm và nguyên liệu, vật liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 lần lượt là 1.210.947.145 VND, 885.072.087 VND và 429.099.299 VND (31 tháng 12 năm 2016: không) đã được lập dự phòng toàn bộ cho hàng tồn kho chậm luân chuyển.

Biến động dự phòng cho hàng tồn kho trong năm như sau:

	31 tháng 12 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	-	-
Tăng dự phòng trong năm	2.525.118.531	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Số dư cuối năm	2.525.118.531	-

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
1 tháng 1 năm 2017	30.397.015.153	8.243.231.990	5.379.482.735	44.019.729.878
31 tháng 12 năm 2017	30.397.015.153	8.243.231.990	5.379.482.735	44.019.729.878
Giá trị hao mòn lũy kế				
1 tháng 1 năm 2017	(7.117.072.547)	(2.784.318.310)	(2.114.889.099)	(12.016.279.956)
Khấu hao trong kỳ	(1.509.850.758)	(707.126.694)	(461.015.133)	(2.677.992.585)
31 tháng 12 năm 2017	(8.626.923.305)	(3.491.445.004)	(2.575.904.232)	(14.694.272.541)
Giá trị còn lại				
1 tháng 1 năm 2017	23.279.942.606	5.458.913.680	3.264.593.636	32.003.449.922
31 tháng 12 năm 2017	21.770.091.848	4.751.786.986	2.803.578.503	29.325.457.337

11. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31 tháng 12 năm 2017		31 tháng 12 năm 2016	
	Giá gốc	Tỷ lệ vốn	Giá gốc	Tỷ lệ vốn
		VND		sở hữu %
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai (Thuyết minh 24)	20.000.000.000	11,72	20.000.000.000	11,72

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Phải trả người bán là bên thứ ba		
Công ty CP Mỏ và Xuất nhập khẩu Khoáng sản Miền Trung	71.828.983.851	71.828.983.851
Công ty TNHH Bô Công Anh Việt Nam	31.244.781.120	-
Các đối tượng khác	5.845.995.921	111.662.022
	108.919.760.892	71.940.645.873
Phải trả người bán là các bên liên quan (Thuyết minh số 24)		
Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Gia Lai	242.350	18.422.242.350
Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Hưng Long	-	13.902.000.000
Công ty CP Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận	135.107.200	3.171.907.200
Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	116.208.846	23.383.060.901
	251.558.396	58.879.210.451
	109.171.319.288	130.819.856.324

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31 tháng 12 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	312.403.463	826.548.696

14. Vay và nợ thuê tài chính

	31 tháng 12 năm 2017		Trong năm		31 tháng 12 năm 2016	
	Số có khả năng		Tăng	Giảm	Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ			Giá trị	trả nợ
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Vay ngắn hạn						
<i>Vay bên liên quan (1) (Thuyết minh 24)</i>						
Ông Lê Đức Dũng	15.300.000	15.300.000	291.300.000	(12.230.500.000)	11.954.500.000	11.954.500.000
Bà Phạm Thị Hải Yến	-	-	-	(13.943.000.000)	13.943.000.000	13.943.000.000
Ông Trần Kiên Cường	-	-	-	(1.290.430.480)	1.290.430.480	1.290.430.480
Ông Lại Thế Đình	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
	15.300.000	15.300.000	294.300.000	(27.466.930.480)	27.187.930.480	27.187.930.480
Vay dài hạn						
<i>Vay bên liên quan (2) (Thuyết minh 24)</i>						
Công ty CP Đầu tư Thương mại						
Đông Bắc	-	-	-	(3.500.000.000)	3.500.000.000	3.500.000.000
	15.300.000	15.300.000	294.300.000	(30.966.930.480)	30.687.930.480	30.687.930.480

(1) Các khoản vay ngắn hạn theo các hợp đồng vay vốn với thời hạn vay từ 6 đến 12 tháng. Các khoản vay này đều không có lãi suất và tài sản đảm bảo.

(2) Khoản vay dài hạn từ Công ty CP Đầu tư Thương mại Đông Bắc, cùng thành viên quản lý chủ chốt, theo hợp đồng vay số 20/03/2016/HĐVV/KSK/ĐB ngày 20 tháng 3 năm 2016 cho mục đích xây dựng nhà máy. Khoản vay không chịu lãi suất, không tài sản đảm bảo và có thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày ký. Ngày 20 tháng 9 năm 2016, hai bên ký Phụ lục gia hạn hợp đồng vay số 01/PLGHVV/ĐB/KSK, theo đó, thời hạn vay được gia hạn 2 năm kể từ ngày ký. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản vay này đã được thanh toán toàn bộ.

15. Nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VNĐ	Lợi nhuận sau thuế	Tổng VNĐ
		chưa phân phối(Lỗ lũy kế) VNĐ	
Số dư, 1 tháng 1 năm 2016	238.880.000.000	5.116.911.024	243.996.911.024
Lỗ trong năm	-	(4.794.044.468)	(4.794.044.468)
Số dư, 31 tháng 12 năm 2016	238.880.000.000	322.866.556	239.202.866.556
Số dư, 1 tháng 1 năm 2017	238.880.000.000	322.866.556	239.202.866.556
Lỗ trong năm	-	(11.398.040.582)	(11.398.040.582)
Điều chỉnh (*)		(5.522.995.147)	(5.522.995.147)
Số dư, 31 tháng 12 năm 2017	238.880.000.000	(16.598.169.173)	222.281.830.827

(*) Trong năm, Công ty đã rà soát và điều chỉnh các số dư liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty từ những năm trước (tăng chi phí khấu hao là 3.937 triệu đồng, xóa tài sản không hiện hữu là 1.880 triệu đồng, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả là 414 triệu đồng và xóa khoản trả trước cho nhà cung cấp là 120 triệu đồng). Tuy nhiên do không thể xác định được ảnh hưởng của sai sót đến từng năm, Công ty đã không điều chỉnh hồi tố vào các báo cáo tài chính của các năm trước mà điều chỉnh các sai sót này vào các báo cáo tài chính của năm hiện tại.

16. Vốn cổ phần

Chi tiết góp vốn của các cổ đông như sau:

	Vốn đã góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017		Vốn đã góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	VNĐ	%	VNĐ	%
Bà Phạm Thị Hinh	15.639.000.000	6,55	15.639.000.000	6,55
Các cổ đông khác	223.241.000.000	93,45	223.241.000.000	93,45
	238.880.000.000	100,00	238.880.000.000	100,00

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, vốn cổ phần đăng ký của Công ty là 238.880 triệu đồng, được chia thành 23.880.000 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng cho một phiếu biểu quyết tại cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức theo công bố tại từng thời điểm. Chi tiết vốn cổ phần được phê duyệt và cổ phiếu đã phát hành như sau:

	31 tháng 12 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.888.000	23.888.000
Số lượng cổ phiếu đã bán cho công chúng	23.888.000	23.888.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.888.000	23.888.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.888.000	23.888.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.888.000	23.888.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31 tháng 12 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	238.880.000.000	238.880.000.000
+ Vốn tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	238.880.000.000	238.880.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Đơn vị	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	VND	(11.398.040.582)	(4.794.044.468)
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm	Cổ phiếu	23.888.000	23.888.000
Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu	VND/cổ phiếu	(477)	(201)

Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm được xác định như sau:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành đầu kỳ quy đổi mệnh giá	23.888.000	23.888.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ quy đổi mệnh giá	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành cuối kỳ	23.888.000	23.888.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	23.888.000	23.888.000

18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
	VND	VND
Doanh thu hàng nông sản	133.590.544.000	-
Doanh thu hàng vật liệu xây dựng, các sản phẩm từ khai khoáng	2.071.861.586	142.351.665.289
	135.662.405.586	142.351.665.289

19. Giá vốn hàng bán

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
	VND	VND
Giá vốn hàng nông sản	130.230.239.900	-
Giá vốn hàng vật liệu xây dựng, các sản phẩm từ khai khoáng	1.540.763.992	139.932.384.991
Dự phòng hàng tồn kho trích lập thêm trong năm	2.525.118.531	-
Chi phí khấu hao	951.547.710	-
	135.247.670.133	139.932.384.991

20. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	316.109.090	388.000.000
Chi phí khấu hao	31.818.182	-
Dự phòng phải thu khó đòi	8.384.429.977	3.957.904.624
Chi phí quản lý khác	490.193.749	424.376.000
	9.222.550.998	4.770.280.624

21. Chi phí khác

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Chi phí khấu hao tài sản không sử dụng	1.694.626.694	2.677.992.584
Xóa sổ tài sản không hiện hữu	763.620.972	185.000.000
	2.458.247.666	2.862.992.584

22. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Chi phí hàng hóa	131.771.003.892	139.932.384.991
Chi phí nhân viên	448.109.090	469.000.000
Khấu hao và phân bổ	983.365.892	-
Chi phí dự phòng	10.909.548.508	3.957.904.624
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	490.193.749	424.376.000
	144.602.221.131	144.783.665.615

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") theo thuế suất thuế TNDN chung trên lợi nhuận chịu thuế.

Theo Luật Thuế TNDN sửa đổi số 32/2013/QH13 ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2013, có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, thuế suất thuế TNDN chung là 22% trong các năm 2014 và 2015 và 20% cho các năm tiếp theo.

Lỗ kế toán được đối chiếu về lỗ chịu thuế như sau:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(11.398.040.582)	(4.794.044.468)
<i>Điều chỉnh cho:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	2.458.247.666	2.862.992.584
Lỗ chịu thuế	(8.939.792.916)	(1.931.051.884)

Việc tính chi phí thuế TNDN hiện hành còn tùy thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

Lỗ thuế có thể được mang sang để khấu trừ vào các khoản thu nhập chịu thuế của các năm sau trong vòng 5 năm kể từ năm Công ty phát sinh lỗ. Số tiền thực tế của khoản lỗ thuế trên có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả quyết toán thanh tra thuế được thực hiện bởi cơ quan thuế địa phương.

Lỗ chịu thuế ước tính được mang sang để khấu trừ vào thu nhập chịu thuế cho các năm sau là như sau:

Năm	Tình trạng quyết toán thuế	Lỗ chịu thuế VNĐ	Lỗ đã sử dụng VNĐ	Lỗ mang sang VNĐ	Năm quá hạn
2016	Chưa quyết toán	1.931.051.884	-	1.931.051.884	2022
2017	Chưa quyết toán	8.939.792.916		8.939.792.918	2023
		10.870.844.800		10.870.844.800	

Tài sản thuế hoãn lại tính trên khoản lỗ có thể mang sang các năm tiếp theo không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 12 năm 2017 vì chưa có cơ sở chắc chắn rằng khoản lợi ích trong tương lai của tài sản đó sẽ được thực hiện. Ngoài ra, thuế hoãn lại không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 vì Công ty không phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời đáng kể tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

24. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã thực hiện giao dịch với các bên liên quan như sau:

Các bên có liên quan	Quan hệ	Bản chất	Năm kết thúc ngày	Năm kết thúc ngày
			31 tháng 12 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
			VNĐ	VNĐ
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Bán hàng hóa Mua hàng hóa	- -	7.242.413.000 37.697.657.560
Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận	Cổ đông lớn là thành viên chủ chốt của công ty kia	Bán hàng hóa Mua hàng hóa	18.192.500.000 122.000.000	105.578.358.055 2.883.552.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản và vật liệu xây dựng Gia Lai	Công ty liên doanh, liên kết	Bán hàng hóa Mua hàng hóa	614.000.000 -	21.113.584.760 30.920.958.500
Công ty Cổ phần Khoáng sản và vật liệu xây dựng Hưng Long	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Mua hàng hóa	-	15.820.000.000
Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Mua hàng hóa	349.225.404	28.231.862.950
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đông Bắc	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Bán hàng hóa, dịch vụ Góp vốn đầu tư Vay ngắn hạn	- 21.000.000.000 -	2.400.000.000 39.000.000.000 3.500.000.000
Công ty Cổ phần Tài nguyên Sài Gòn	Công ty hợp tác kinh doanh năm 2015	Vay ngắn hạn	-	30.000.000.000
Ông Lê Đức Dũng	Tổng Giám đốc cũ	Vay ngắn hạn	291.300.000	16.175.000.000
Bà Phạm Thị Hải Yến	Trưởng phòng kinh doanh	Tạm ứng Vay ngắn hạn	- -	52.030.000.000 7.564.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có số dư với các bên liên quan về phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu khác, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, phải trả người bán ngắn hạn và vay ngắn hạn lần lượt được trình bày tại các thuyết minh số 6, 7, 11, 12 và 14.

25. Thù lao của Ban Giám đốc

Trong năm, thành viên Ban Giám đốc nhận được thù lao như sau:

	Năm kết thúc ngày	Năm kết thúc ngày
	31 tháng 12 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Lương và phụ cấp	72.000.000	72.000.000

26. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm nay như sau:

Trích lược Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	Theo báo cáo trước đây	Phân loại lại	Phân loại lại
	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	20.000.000.000	(20.000.000.000)	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	30.687.930.480	(3.500.000.000)	27.187.930.480
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	3.500.000.000	3.500.000.000

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016:

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, theo báo cáo trước đây đã được lập theo phương pháp trực tiếp, đã được trình bày lại theo phương pháp gián tiếp để phù hợp với cách trình bày của năm nay.

27. Sự kiện sau ngày lập các báo cáo tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày báo cáo có ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Công ty được trình bày trong Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 hoặc kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

28. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc phê duyệt để phát hành.



Nguyễn Tiến Thành
Kế toán trưởng

